

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			205	38	18.54	77	37.56	80	39.02	10	4.88	0	0	195	95.12	0	0	184	89.76	20	9.76	1	0.49	0	0	205	100	0	0		
1	Khối 8		114	25	21.93	41	35.96	40	35.09	8	7.02	0	0	106	92.98	0	0	102	89.47	12	10.53	0	0	0	0	114	100	0	0		
1.1	8C1	Nguyễn Thị Tuyết Mai	35	6	17.14	11	31.43	15	42.86	3	8.57	0	0	32	91.43	0	0	28	80	7	20	0	0	0	0	35	100	0	0		
1.2	8C2	Lê Thị Phương	37	3	8.11	13	35.14	18	48.65	3	8.11	0	0	34	91.89	0	0	35	94.59	2	5.41	0	0	0	0	37	100	0	0		
1.3	8C3	Nguyễn Thị Lan	42	16	38.1	17	40.48	7	16.67	2	4.76	0	0	40	95.24	0	0	39	92.86	3	7.14	0	0	0	0	42	100	0	0		
2	Khối 9		91	13	14.29	36	39.56	40	43.96	2	2.2	0	0	89	97.8	0	0	82	90.11	8	8.79	1	1.1	0	0	91	100	0	0		
2.1	9D1	Nguyễn Thị Hương	46	4	8.7	16	34.78	26	56.52	0	0	0	0	46	100	0	0	40	86.96	6	13.04	0	0	0	0	46	100	0	0		
2.2	9D2	Nguyễn Thị Thu Hà	45	9	20	20	44.44	14	31.11	2	4.44	0	0	43	95.56	0	0	42	93.33	2	4.44	1	2.22	0	0	45	100	0	0		

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần